TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 59/2019/DS-PT
Ngày: 15 - 3- 2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập
Ông Phạm Việt Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 301/2018/TLPT-DS ngày 21 tháng 12 năm 2018 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 172/2018/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2019/QĐ-PT ngày 09 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Ng – sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Lê Minh Ch – sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Đường Ng, phường X, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị Xuân M – sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số C, C, khóm A, phường X, thành phố C , tỉnh Cà Mau.

Anh Trần Văn Ch – sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, đường Ng, khóm N, phường M, thành phố C , tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Ngô Đình Ch , sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Số Q, P, khóm T, phường Y, thành phố C , tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Hữu Đ - sinh năm 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ: Nhà không số, khóm X, phường U, thành phố C , tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn Ch và bà Huỳnh Thị Xuân M là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Minh Ch trình bày: Chị Lê Thị Ng là người thu mua tôm nguyên liệu bán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Trách nhiệm hữu hạn chế biến xuất nhập khẩu Thủy sản T (nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy N) do anh Trần Văn Ch và chị Huỳnh Thị Xuân M làm chủ. Do Công ty mua hàng nhưng không trả tiền nên chị Ng và các đại lý có làm đơn yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cà Mau xử lý hình sự đối với anh Ch và chị M về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Sau khi nhận đơn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cà Mau mời các đại lý (khoảng 15 đại lý) cùng với anh Ch, chị M làm việc, anh Ch và chị M thỏa thuận và cam kết thanh toán nợ cho các đại lý. Theo bản thỏa thuận trả nợ ngày 04/12/2014, Công ty còn nợ chị Ng số tiền 660.606.000 đồng, anh Ch và chị M cam kết sẽ trả nợ cho chị Ng sau 10 ngày kể từ ngày 04/12/2014, số tiền chi trả cho các đại lý và chị Ng là 50% số tiền nợ, số còn lại sẽ chi trả dứt điểm trong hai tháng tiếp theo, đến ngày 14/02/2015 sẽ thanh toán xong toàn bộ số nợ. Sau khi cam kết trả nợ, anh Ch và chị M đã thanh toán cho chị Ng số tiền 100.000.000 đồng và 01 chiếc xe ô tô biển số 69C-004.23 trị giá 240.000.000 đồng (do hai bên tự thỏa thuận định giá) số còn lại 320.000.000 đồng, anh Ch, chị M không thanh toán. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Ch, chị M trả cho chị Ng số tiền 320.000.000 đồng và tiền lãi 104.400.000 đồng tính từ ngày 15/02/2015 đến ngày 15/7/2017 tổng cộng vốn và lãi là 424.400.000 đồng. Rút đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty trả nợ lý do hiện nay anh Ch và chị M không có trụ sở Công ty và Công ty cũng không còn hoạt động.

Bị đơn là chị Huỳnh Thị Xuân M và anh Trần Văn Ch trình bày: Anh, chị thừa nhận biên bản đối chiếu công nợ ngày 07/11/2014 và biên bản thỏa thuận thanh toán ngày 04/12/2014 là đúng. Đã qua, anh chị trả cho chị Ng 100.000.000 đồng và giao cho chị Ng một chiếc xe ô tô biển số 69C-004.23 trị giá xe là 240.000.000 đồng nhưng sau đó có thỏa thuận bằng miệng giá trị chiếc xe là 520.000.000 đồng để trừ hết nợ. Nay chị Ng yêu cầu anh, chị thanh toán số tiền 320.000.000 đồng và tiền lãi 104.400.000 đồng tính từ ngày 15/02/2015 đến ngày 15/7/2017 tổng cộng vốn và lãi là 424.400.000 đồng anh, chị không đồng ý trả nợ. Số nợ trên cũng có phần trách nhiệm của anh Đ là thành viên của Công ty.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Hữu Đ trình bày: Trước đây, anh có ký hợp đồng lao động với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên chế biến xuất nhập khẩu thủy sản T do anh Ch và chị M làm chủ, anh chỉ làm công và lĩnh lương, không có hùn vốn với anh Ch và chị Mai, nhưng anh Ch và chị M có hứa lợi nhuận của công ty sẽ chia cho anh 30% sau báo cáo thuế. Giấy xác nhận nợ Công ty ngày 04/12/2014 với nội dung xác nhận nợ anh Đ 30%, anh Ch và chị M 70%, giấy xác nhận trên anh thừa nhận có ký tên. Việc anh ký tên vào giấy xác nhận trên là do anh Ch ép buộc anh vì các đại lý làm áp lực với anh Ch. Việc xác nhận trên là nợ của Công ty không phải nợ của cá nhân anh vì anh không có hùn vốn với anh Ch và chị M . Số nợ trên anh Ch và chị M đã thanh toán chưa anh không biết, bản thân anh không liên quan đến số nợ trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 172/2018/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Lê Thị Ng .

Buộc anh Trần Văn Ch và chị Huỳnh Thị Xuân M có trách nhiệm thanh toán cho chị Lê Thị Ng tổng số tiền là 424.400.000 đồng. Trong đó, nợ gốc là 320.000.000 đồng và tiền lãi 104.400.000 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ng về việc yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy N thanh toán nợ cho chị.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 29/11/2018, anh Ch và chị M có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy hoặc sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nếu buộc anh Ch, chị M trả nợ thì yêu cầu anh Đ chịu trách nhiệm 30% trên số nợ mà Tòa án buộc anh Ch và chị M trả nợ cho chị Ng do anh Đ có ký tên thừa nhận nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và tranh luận cho rằng, bị đơn mua tôm của nguyên đơn là mua cho Công ty do anh Ch làm Giám đốc, anh Đ làm Phó Giám đốc, chị M là vợ anh Ch là Phó Giám đốc kiêm thủ quỹ Công ty. Công ty có giấy phép đăng ký kinh doanh, hiện nay Công ty có trụ sở tại ấp G, thị trấn Th, huyện Th , tỉnh Cà Mau. Công ty đã ngưng hoạt động nhưng chưa giải thể, số nợ bị đơn thừa nhận nợ của nguyên đơn là số nợ của Công ty. Tại biên bản đối chiếu công nợ do anh Ch, chị M và anh Đ ký tên đóng dấu Công ty. Sau khi ký nhận nợ, anh Ch đã giao chiếc xe ô tô biển số 69C-004.23 do Công ty đứng tên cho nguyên đơn để thỏa thuận trừ hết nợ nhưng hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm giấy tờ. Hiện nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu cá nhân anh Ch và chị M trả nợ là không đúng, số tiền bị đơn nợ nguyên đơn có trách nhiệm của anh Đ vì anh Đ là Phó Giám đốc Công ty, khi ký tên thừa nhận trả nợ cho nguyên đơn cũng được anh Đ ký tên xác nhận, do đó yêu cầu anh Đ phải chịu trách nhiệm trả nợ 30% trên số tiền nợ còn lại mà hiện nay anh Ch và chị M phải tiếp tục trả cho chị Ng .

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tranh luận cho rằng, nguyên đơn mua bán tôm nguyên liệu do nguyên đơn thu gom từ người nuôi tôm không có giấy phép đăng ký kinh doanh là đại lý. Khi bán tôm cho anh Ch và chị M thì hai bên không có làm hợp đồng mà chỉ liên hệ qua điện thoại, anh Ch và chị M kêu giao tôm cho Công ty nào thì nguyên đơn giao tôm và lấy giấy xác nhận về gặp anh Ch và chị M nhận tiền, ngoài ra nguyên đơn cũng không trực tiếp giao tôm cho Công ty của anh Ch và chị M . Số tôm anh Ch và chị M mua nhưng không trả cho nguyên đơn và nhiều đại lý khác. Sau khi phát hiện anh Ch và chị M không có trụ sở Công ty và Công ty cũng không hoạt động nên chị Ng và các đại lý thu mua tôm yêu cầu cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cà Mau xử lý anh Ch và chị M về hành vi chiếm đoạt tài sản. Đã qua, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cà Mau mời anh Ch và chị M làm việc thì cá nhân anh Ch và chị M đã thừa nhận nợ của nguyên đơn cùng các đại lý khác và ký tên vào bảng đối chiếu công nợ và cam kết trả nợ cho nguyên đơn và các đại lý vào ngày 04/02/2015 là dứt điểm nên nguyên đơn và các đại lý không yêu cầu xử lý anh Ch và chị M nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cà Mau không xử lý anh Ch và chị M về hành vi chiếm đoat tài sản. Sau khi anh Ch và chị M cam kết thời gian trả nợ thì anh Ch và chị M

đã trả cho chị Ng được 100.000.000 đồng và giao cho nguyên đơn một chiếc xe ô tô biển số 69C-004.23 trị giá 240.000.000 đồng để trừ một phần nợ, phần nợ còn lại là 320.000.000 đồng đến nay anh Ch và chị M không trả, do đó nguyên đơn khởi kiện cá nhân anh Ch và chị M phải trả nợ cho nguyên đơn số tiền vốn là 320.000.000 đồng và tính lãi do chậm trả kể từ khi cam kết trả nợ cho đến ngày 15/7/2017 theo lãi suất do Nhà nước quy định là 104.400.000 đồng. Chiếc xe do anh Ch và chị M giao cho nguyên đơn thì hiện nay chị Ng đang quản lý sử dụng và đã làm thủ tục sang tên cho chị Ng xong.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 21/02/2019, nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để làm rõ việc nguyên đơn đã làm thủ tục chuyển tên giấy tờ xe và hoạt động của Công ty.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng buộc anh Đ phải có trách nhiệm trả nợ cùng với anh Ch và chị M . Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc buộc Công ty trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Ch và chị M về việc anh Ch và chị M cho rằng số nợ của chị Ng là nợ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên chế biến xuất nhập khẩu Thủy sản T .

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc chị Ng bán tôm cho anh Ch và chị M hai bên thừa nhận không có làm hợp đồng mua bán nên không thể hiện việc chị Ng bán tôm cho anh Ch và chị M hay chị Ng bán tôm cho Công ty, nhưng tại bản đối chiếu công nợ ngày 17/11/2014 anh Ch và chị M thừa nhận nợ của chị Ng số tiền 660.606.000 đồng (BL 02) anh Ch và chị M cũng thừa nhận đã ký tên vào bản đối chiếu công nợ và đến ngày 04/12/2014 anh Ch, chị M và anh Đ cũng thừa nhận nợ và ký tên vào biên bản thỏa thuận thanh toán nợ, cam kết trong thời gian trả nợ cho các đại lý dứt điểm đến ngày 14/02/2015(BL 03). Bản đối chiếu công nợ có ký tên đóng dấu của Công ty do anh Ch là Giám đốc, anh Đ là Phó Giám đốc, chị M là Phó Giám đốc kiêm thủ quỹ nhưng tại thời điểm Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cà Mau mời anh Ch và chị M làm việc thì số nợ của chị Ng và một số đại lý khác đã được anh Ch, chị M và anh Đ thừa nhận nợ và cam kết trả nợ nên chị Ng và các đại lý đồng ý và không yêu cầu xử lý anh Ch và chị M về hành vi chiếm đoạt tài sản, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cà Mau đã ban hành Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 104/PC45 ngày 26/10/2015 đối với chị Huỳnh Thị Xuân M (BL 188). Tại Công văn số 15/CV- ĐKKD ngày 21/02/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau đã xác nhận Công ty có trụ sở tại ấp U, xã Th, huyện Th đã tự ý ngưng hoạt động, không báo cáo, không thực hiện thủ tục tạm ngừng hoặc giải thể (BL 197). Theo biên bản xác minh ngày 04/10/2018 (BL 98) do ông Nguyễn Văn Đ là Trưởng ban nhân dân ấp U, xã Th, huyện Th xác

nhận Công ty không có trụ sở tại ấp G, thị trấn Th, huyện Th như người đại diện theo ủy quyền của bị đơn nêu ra. Như vậy, hiện nay Công ty không có địa chỉ, không hoạt động, số nợ của chị Ng được anh Ch và chị M thừa nhận nợ và đã qua, anh Ch và chị M cũng đã trả cho chị Ng 100.000.000 đồng và giao cho chị Ng một chiếc xe ôtô biển số 69C-004.23 để trừ nợ. Do đó, số nợ anh Ch và chị M cho rằng Công ty nợ của chị Ng đã chuyển thành nợ của cá nhân anh Ch và chị M do anh Ch và chị M thừa nhận nợ và cam kết trả nợ nên đã ký tên vào biên bản kể từ thời điểm cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cà Mau làm việc với anh Ch và chị M . Hiện nay anh Ch và chị M cho rằng số nợ của chị Ng là nợ của Công ty là không có cơ sở. Do đó nguyên đơn rút đơn khởi kiện đối với việc yêu cầu Công ty trả nợ và yêu cầu anh Ch và chị M trả nợ. Cấp sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu của chị Ng về việc buộc Công ty trả nợ, buộc anh Ch và chị M trả nợ là phù hợp.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của anh Ch và chị M về việc không thừa nhận còn nợ của chị Ng số tiền vốn là 320.000.000 đồng nên không chấp nhận trả vốn và lãi là 424.400.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, số nợ anh Ch và chị M thừa nhận nợ của chị Ng là 660.606.000 đồng, anh Ch và chị M cho rằng đã trả nợ cho chị Ng 100.000.000 đồng và giao cho chị Ng một chiếc xe ôtô biển số 69C -004.23 trị giá 240.000.000 đồng được các bên đương sự thừa nhận. Tuy nhiên anh Ch và chị M cho rằng có thỏa thuận bằng lời nói sẽ giao chiếc xe để trừ hết số nợ của chị Ng . Chị Ng không thừa nhận việc thỏa thuận giao xe để trừ hết nợ. Theo tài liệu của Cơ quan Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Cà Mau thể hiện, chiếc xe trên do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ng bán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Văn phòng phẩm Nh vào tháng 4 năm 2012 với giá là 270.000.000 đồng, đến tháng 11 năm 2014 Công ty Trách nhiệm hữu hạn Văn phòng phẩm Nh bán xe trên lại cho công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên chế biến xuất nhập khẩu thủy sản T , giá chuyển nhượng là 220.000.000 đồng. Tại hóa đơn giá trị gia tăng có thể hiện xe ô tô tải (thùng kín). Tại hồ sơ và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không có chứng cứ gì chứng minh việc anh Ch và chị M giao chiếc xe để trừ hết số nợ. Trong khi đó theo giấy mua bán xe do nguyên đơn cung cấp thì giá trị chiếc xe khi mua bán trị giá chỉ 30.000.000 đồng (BL 205). Do đó không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bị đơn về việc giao chiếc xe cho chị Ng để trừ hết nợ. Cấp sơ thẩm chấp nhận bị đơn đã trả cho nguyên đơn 100.000.000 đồng và một chiếc xe ôtô biển số 69C -004.23 trị giá 240.000.000 đồng. Đối trừ với số nợ anh Ch và chị M nợ của chị Ng , thì số tiền anh Ch và chị M còn phải trả là 320.000.000 đồng và tiền lãi do chậm trả sau thời gian cam kết nợ đến ngày 15/7/2017 theo mức lãi suất do Nhà nước quy định là 104.400.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của anh Ch và chị M yêu cầu anh Đ phải có trách nhiệm trả nợ 30% cho chị Ng trên số tiền nợ anh Ch và chị M còn phải tiếp tục trả cho chị Ng . Hội đồng xét xử xét thấy, theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (BL 92) thể hiện anh Đ không có góp vốn vào Công ty nhưng tại Điều 5 hợp đồng có quy định anh Đ phải chịu trách nhiệm quản lý điều hành toàn bộ quá trình sản xuất và được hưởng 50% lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế. Theo hợp đồng thì anh Đ là Phó Giám đốc Công ty. Tại bản đối chiếu công nợ và biên bản cam kết trả nợ đều

có anh Đ thừa nhận ký tên và cam kết trả nợ. Anh Đ cho rằng việc anh ký nhận nợ là do anh Ch ép buộc nhưng từ khi ký nhận nợ đến nay anh Đ không có yêu cầu gì. Cấp sơ thẩm nhận định anh Đ là người làm công hưởng lương và không buộc anh Đ chịu trách nhiệm liên đới trả nợ với anh Ch và chị M là không phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của anh Ch, chị M yêu cầu nếu Tòa án buộc anh Ch và chị M tiếp tục trả nợ cho chị Ng thì yêu cầu anh Đ có trách nhiệm trả 30% số tiền nợ phải trả cho chị Ng . Xét thấy yêu cầu này là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Buộc anh Đ phải có trách nhiệm cùng với anh Ch và chị M trả nợ cho chị Ng số tiền 424.404.000 đồng, trong đó anh Đ phải có trách nhiệm trả nợ cho chị Ng 30%.

[4] Đối với chiếc xe ô tô tải biển số 69C-004.23 hiện nay do chị Ng là người quản lý và sử dụng, chị Ng cho rằng chiếc xe do chị đứng tên sở hữu. Tại Công văn số 18/PC08 ngày 14/3/2019 của Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Cà Mau xác định chiếc xe ô tô biển số 69C-004.23 hiện tại chủ sở hữu là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên chế biến xuất nhập khẩu thủy sản T (BL 192). Do đó chị Ng cho rằng đã được sang tên chủ sở hữu là không có cơ sở. Tuy nhiên, do chấp nhận việc anh Ch và chị M giao chiếc xe ô tô biển số 69C-004.23 cho chị Ng để trừ số nợ 240.000.000 đồng nên chị Ng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp đổi tên quyền sở hữu đối với chiếc xe theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên bị đơn không phải phải chịu án phí.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Trần Văn Ch và chị Huỳnh Thị Xuân Mai.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số *172/2018/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau:*

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Lê Thị Ng .

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ng về việc yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy N thanh toán nợ.

Buộc anh Trần Văn Ch và chị Huỳnh Thị Xuân M và anh Nguyễn Hữu Đ có trách nhiệm trả cho chị Lê Thị Ng tổng số tiền là 424.400.000 đồng. Trong đó, anh Đ chịu trách nhiệm trả 30% bằng 127.320.000 đồng. Anh Ch và chị M chịu trách nhiêm liên đới trả cho chị Ng số tiền 297.080.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến

khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chị Lê Thị Ng có quyền yêu cầu cơ quan có chức năng làm thủ tục chuyển tên quyền sở hữu đối với chiếc xe ô tô biển số 69C-004.23 do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên chế biến xuất nhập khẩu thủy sản T đứng tên chủ sở hữu.

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn Ch và chị Huỳnh Thị Xuân M phải nộp 14.854.000 đồng. Anh Nguyễn Hữu Đ phải nộp 6.366.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau. Chị Ng không phải chịu án phí, ngày 20/6/2017, chị Ng đã nộp tạm ứng án phí 10.344.000 đồng, theo biên lai số 0003293 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trần Văn Ch và chị Huỳnh Thị Xuân M không phải chịu. Ngày 04/12/2018, anh Ch và chị M đã dự nộp 300.000 đồng lai số 0001689 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Thị Phương Loan